

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày 25- 6- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khả Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị N
2. Ông Nguyễn Ngọc B

-Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Thùy N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích N- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HS, ngày 18 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/HSST- QĐ, ngày 11/6/2021. Đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, (tên gọi khác: H cây), sinh năm 1988, tại Kim Bôi, Hòa Bình; NĐKHKT: Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Làng Yit Rông 2, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Văn và bà Nguyễn Thị Hinh, có vợ là Văn Thị Tâm (đã ly hôn) và 01 người con, sống chung như vợ chồng với Vũ Thị Q (cũng là bị cáo trong vụ án); Tiền án, tiền sự: 02 tiền án; Nhân thân: Xấu: Ngày 16/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 05/1/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 06/5/2020 đến nay. (Có mặt).

2. Trương Văn T, sinh năm 1994, tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; NĐKHKT: Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Trương Thị M, bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu: Ngày 24/9/2015 bị Tòa án nhân dân

tỉnh Gia Lai xử phạt 7 tháng tù giam về tội: “Gây rối trật tự công cộng”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 06/5/2020 đến nay. (Có mặt).

3.Siu Quốc K, sinh năm 2000, tại Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; NĐKHKT: Làng Yit Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 6/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Siu Hloak và bà Kpuih Pyuch, bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 9 tháng tù được hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội: “ Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 15 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giam: Từ ngày 07/5/2020 đến nay (Có mặt).

4.Vũ Thị Q, sinh năm 1991, tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; NĐKHKT: Thôn Hoàng Ân, xã Ia Phìn, Chư Prông, Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Làng Yit Rông 2, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Vinh và bà Trần Thị Sương, bị cáo có chồng tên là Nguyễn Thành Tài (hiện đã ly hôn), bị cáo có 01 (một) người con, sống chung như vợ chồng với Trần Văn H cũng là bị cáo trong vụ án ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2020 đến ngày 26/6/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. (Có mặt).

-Người bị hại:

1.Ông **Rơ Lan Pl**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Làng Hle, xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2.Ông **Siu Kr**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Làng Hle, xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

3.Ông **Rơ Châm P**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Làng Tnao, xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

4.Ông **Rơ Lan P**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Làng Sung O, xã Ia O, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

5.Ông **Puinh Kl**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Làng Tnao, xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

6.Ông **Rơ Lan H**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Làng Briêng, xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

7.Ông **Rơ Châm D**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Làng Khô, xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

8.Ông **Siu T**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Làng Gà, xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

9.Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Làng O Bung, xã Ia Ko, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Bà **Trương Thị M**, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2.Ông **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Làng Khóp, xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

3. Ông Rơ Lan U, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Làng Gào, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

4. Ông Kpuih Y, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Làng Yit Le, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Ông Trần Đức H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

3. Ông Vũ Hải B, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

- **Người bào chữa** cho bị cáo Siu Quốc K: **Ông Thiều Hữu Minh**- trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

- **Người phiên dịch tiếng Jrai** ông: **Siu BLóck**. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4 và tháng 5 năm 2020 Trần Văn H, Vũ Thị Q, Trương Văn T và Siu Quốc K đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn xã Ia Boong, Ia O, Ia Pia huyện Chư Prông và huyện Chư Puh cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào buổi chiều một ngày tháng 4 năm 2020 (chưa xác định được ngày cụ thể), nhận thấy ở khu vực đường mới xã Ia Boong về hướng xã Ia Puh, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai là khu vực có nhiều bò được người dân chăn thả nhưng không có người trông coi nên tại nhà Trần Văn H gọi điện cho Siu Quốc K và Trương Văn T rủ đi trộm cắp bò về bán lấy tiền thì K và T đồng ý, tuy nhiên IU này K đi chơi chưa về được nên T và H đi trước. H và T điều khiển xe mô tô BKS 29P3-9045 (Xe của mẹ T là bà Trương Thị M) đi từ nhà đến khu vực cầu Ia Drang thì phát hiện rẫy nhà ông Rơ Lan H có 3 con bò cột gốc cây (02 con bò cột vào gốc cây, 01 con bê không cột dây). Vì trời còn sáng sợ bị phát hiện nên cả 2 đi lòng vòng tìm chỗ nghỉ ngơi đợi đến tối. Khoảng 21 giờ, H gọi điện cho Vũ Thị Q (Q và H sống chung như vợ chồng) nói Q điều khiển xe ô tô qua khu vực cầu Ia Drang để qua trộm bò và đưa bò về, H nói Q gọi chở K sang luôn thì Q đồng ý. Sau đó, Q liên lạc với K rồi điều khiển xe ô tô BKS 81B-0611 chở K đi đến chỗ H và T. Khi đến nơi, T, K đi vào rẫy nhà ông H, còn H và Q đi đến khu vực gần đó đợi. Khi vào rẫy nhà ông H, T và K mỗi người tháo dây dắt 1 con bò cái màu vàng cột ở gốc cây, có 1 con bê không cột dây đi theo bò mẹ. Khi dắt bò qua suối thì 01 con bò cái màu vàng mà K dắt bị đứt dây bỏ chạy (sau đó con bò trên được ông H tìm lại được), còn T vẫn tiếp tục dắt con bò đi, con bê IU này vẫn đi theo bò mẹ. Khi dắt bò ra phía ngoài thì H điều khiển xe ô tô, Q điều khiển xe mô tô đến chỗ K và T, sau đó cả nhóm đưa 1 bò mẹ và 1 bò con lên xe rồi tất cả đi về nhà. 2 con bò được đưa về nhà của Q và H sau đó Q, H bán số bò trên cho ông Nguyễn Đình N, rồi chia tiền cho nhau.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTTHS huyện Chư Prông, kết luận giá trị tài sản như sau:

- 01 con bò pha lai cái 3 năm tuổi màu vàng, sừng ngắn: 17.500.000 đồng.
- 01 con bò pha lai cái 5 năm tuổi màu vàng: 16.000.000 đồng.
- 01 con bò bê cái 01 năm tuổi màu vàng: 4.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Cũng vào buổi chiều một ngày tháng 4 năm 2020 (chưa xác định được ngày cụ thể), H rủ T: “*Đi làm với anh*”, khi nghe nói vậy thì T hiểu là đi trộm bò nên đồng ý. T điều khiển xe mô tô BKS 29P3-9045 chở H đi đến địa phận xã Ia O để tìm bò trộm cắp thì phát hiện sau nhà bà Rơ Lan P có bò cột trong chuồng. H và T đi lòng vòng tìm chỗ nghỉ đợi đến tối thực hiện hành vi trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ, H gọi điện cho Q điều khiển xe ô tô BKS 81B-0611 qua chở bò về. Q nghe vậy hiểu là qua để cùng trộm và đưa bò về. Q điều khiển xe ô tô đến chỗ H và đợi ở đây. H và T đi bộ ra phía sau vườn nhà bà P thấy có tổng cộng 5 con bò (01 con bò đực cột gốc điều, 3 con bò cái màu vàng và 01 con bê cột trong chuồng). H dắt 1 con bò đực và 1 con bò cái màu vàng trong chuồng, còn T dắt 2 con bò cái màu vàng trong chuồng, mỗi người dắt 2 con đi đến chỗ để xe, còn 01 con bê không cột dây thì đi theo bò mẹ. Trên đường đi, 01 con bò cái màu vàng do H dắt bị đứt dây nên bỏ chạy. Khi ra xe, H, Q, T đưa 3 con bò lên xe ô tô, bỏ lại 01 con bê rồi tất cả đi về nhà. Sau đó, Q và H bán số bò trên cho ông Nguyễn Đình N và chia tiền cho nhau tiêu xài hết. Đối với 01 con bò đứt dây bỏ chạy và 01 con bê bà P đã tìm lại được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông, kết luận giá trị tài sản như sau:

- 01 con bò pha lai đực 4 năm tuổi màu đen vàng: 16.000.000 đồng
- 01 con bò pha lai cái 10 năm tuổi màu vàng: 13.000.000 đồng.
- 01 con bò pha lai cái 2 năm tuổi màu vàng: 11.500.000 đồng.
- 01 con bò pha lai cái 3 năm tuổi màu vàng, sừng dài: 12.500.000 đồng.

Lần thứ B: Vào khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 4 năm 2020, tại nhà Trần Văn H, H rủ K và T đi trộm cắp bò thì K, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS 29P3-9045 chở H và K đến khu vực xã Ia Boong, huyện Chư Prông đi tìm bò để trộm, phát hiện thấy nhà ông Siu T có 3 con bò đang nhốt trong chuồng. Cả B đi đến chòi rẫy không có người gần đó nghỉ ngơi đợi đến tối. Đến khoảng 21 giờ, H gọi điện cho Q điều khiển xe ô tô BKS 81B-0611 qua để chở bò trộm cắp về, thì Q điều khiển xe đi đến chỗ H. Sau đó, H điều khiển xe ô tô chở K, T đi đến khu vực phía sau nhà ông T, Q ở lại chòi rẫy đợi. Khi H, K vào trộm bò thì T đứng phía ngoài canh giới. H dùng 01 kim mang theo cắt hàng rào rồi H, K đi vào chuồng bò nhà ông T, mỗi người dắt 1 con bò có cột dây (01 con bò đực màu nâu đỏ và 1 con bò cái màu xám) ra khỏi chuồng đến chỗ T đứng

đội. Sau đó, H, T, K, Q đưa 2 con bò lên xe đi về nhà. Q và H bán số bò trên cho ông Nguyễn Đình N rồi chia tiền nhau tiêu xài.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Chư Prông, kết luận giá trị tài sản như sau:

- 01 con bò pha lai đực 2 năm tuổi, ngực và cổ màu xám, phần còn lại màu nâu đỏ: 11.500.000 đồng

- 01 con bò pha lai cái 11 năm tuổi màu xám: 11.000.000 đồng

Lần thứ tư: Vào khoảng 17 giờ ngày 01/5/2020, H nói với T: “Đi làm với anh”, T hiểu là đi trộm bò nên đồng ý. T điều khiển xe mô tô BKS 29P3-9045 chở H đi đến địa phận xã Ia Boong, huyện Chư Prông để tìm bò trộm cắp thì phát hiện sau nhà ông Puih Kl có 01 con bò cột ở vườn nhà, và nhà bên cạnh là bà Rơ Châm D có 01 con bò cột ở cây điều trước nhà. H, T nảy sinh ý định trộm cắp 2 con bò trên tuy nhiên do trời còn sáng sợ bị phát hiện nên H và T đi vào lô cao su gần đó để đợi chờ trời tối. Đến khoảng 21 giờ H gọi điện cho Q điều khiển xe ô tô đến chở bò về thì Q điều khiển xe ô tô BKS 81B-0611 sang chỗ H và T. Q ở lại đây đợi còn H và T đi bộ đến trước nhà bà Rơ Châm D, H dắt 01 con bò đực màu xám cột cây điều trước nhà, sau đó sang nhà ông Puih Kl dắt tiếp 1 con bò đực màu xám cột ở cây gỗ trước nhà. Sau đó H và T dắt 02 con bò ra chỗ để xe rồi cả B đưa bò lên xe đưa về nhà H, Q. Sau đó, Q và H bán số bò trên cho ông Nguyễn Đình N rồi chia tiền cho nhau tiêu xài.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Chư Prông, kết luận giá trị tài sản như sau:

- 01 con bò pha lai đực 1 năm 8 tháng tuổi màu xám: 9.000.000 đồng

- 01 con bò pha lai đực 1 năm 8 tháng tuổi màu xám: 9.000.000 đồng

Lần thứ năm: Vào khoảng 16 giờ ngày 02/5/2020, H gọi điện cho K và T rủ đi tìm bò để trộm cắp thì K và T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS 29P3-9045 chở K đến đón H. Sau đó, K điều khiển xe chở H, T đi từ nhà H đi đến xã Ia Boong, huyện Chư Prông thì phát hiện nhà ông Rơ Châm P có 3 con bò đang cột ở gốc cây điều thì tất cả tìm chỗ đợi đến tối để thực hiện trộm bò. Đến khoảng 21 giờ, H gọi điện cho Q, nói Q đi qua xã Ia Boong. Q điều khiển xe ô tô BKS 81B-0611 đến H, T, K. Sau đó, T và Q ở lại xe đợi. H và K đi đến phía sau nhà ông P, tháo dây và dắt 01 con bò đực và 01 con bò cái. Khi dắt bò mẹ đi thì có 1 con bò con đi theo sau ra khỏi nhà ông P. Sau đó, H gọi điện thoại cho Q và T điều khiển xe đến. Khi đến nơi thì cả nhóm cùng đưa 2 con bò lên xe ô tô, bỏ lại 01 con bê (ông P tìm lại được con bê) rồi H điều khiển ô tô chở Q cùng bò đi về nhà, K và T đi xe máy theo sau. Sau đó Q, H, T cùng nhau dùng dao, búa để mổ 1 con bò cái màu vàng pha đen rồi đem đi bán, còn 1 con bò đực màu đen vàng giao cho K mang đi gửi nuôi tại rẫy của gia đình K. Số tiền bán được chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Đối với con bò gửi nuôi tại rẫy nhà K, Cơ quan điều tra đã thu giữ được con bò trên và trả lại tài sản theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG ngày 11/5/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông kết luận:

- 1 con bò giống đực màu đen vàng có chiều cao 100cm, chiều dài 140cm, kích thước vòng bụng 137cm, vòng ngực 115cm, vòng cổ 71cm, chiều dài sừng là 3cm: 8.000.000 đồng

- 1 con bò giống cái màu vàng pha đen có chiều cao khoảng 110cm, chiều dài khoảng 140cm, chiều dài sừng khoảng 10cm, vòng bụng khoảng 150cm, nặng khoảng 170kg, chiều dài sừng 10cm: 12.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng 14 giờ ngày 4/5/2020, H điện thoại rủ Siu Quốc K đi trộm bò thì K đồng ý. Sau đó H điều khiển xe BKS 29P3-9045 chở K đi từ nhà H qua các xã Ia Drang, xã Ia O, Ia Boòng, Chư Prông. Đến chiều tối thì phát hiện khu vực cánh đồng làng Pg, xã Ia Pia có bò chăn thả không có người trông coi. LU này H, K quyết định sẽ trộm bò tại đây. Khoảng 16 giờ H có gọi điện cho Trương Văn T nói T về đi làm, T từ Ia Grai về nhà H. Sau khi gọi điện cho T xong, H và K đi đến vị trí bò đang chăn thả thì thấy có 1 con bò có cột dây vào gốc cây của anh Siu Kr, LU này K tháo dây ra khỏi gốc cây và dắt bò đi ra và đưa dây cho H dắt đi trước còn K tiếp tục đến chỗ con bò của ông Rơ Lan Pl đang cột ở bụi cây gần khu vực trên, K dùng dao cắt đoạn dây rồi dắt bò cùng H đi ra phía đường nhựa mới.

Sau đó, H có gọi điện cho Q nói là chạy xe ô tô vào chở bò, cùng LU này, T cũng vừa về đến nhà H. Q điều khiển xe ô tô chở T đi theo chỉ dẫn của H. Khi xe đến nơi thì H, K, T, Q cùng nhau đưa 2 con bò lên xe cột vào tH xe. H điều khiển xe ô tô, Q ngồi ghế phụ chở 2 con bò về hướng Đức Cơ mục đích mang về nhà tiêu thụ, còn K và T đi xe máy đi theo sau. Khi đến địa phận xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ bị lực lượng tuần tra Công an xã Ia Kriêng kiểm tra phát hiện đưa về làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 11/5/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Chư Prông kết luận:

- 1 con bò giống cái màu nâu đen có chiều cao 106cm, chiều dài 173cm, kích thước vòng bụng 169cm, vòng ngực 146cm, vòng cổ 71cm, chiều dài sừng trái: 17cm và sừng phải: 10cm: 16.000.000 đồng

- 1 con bò giống cái màu vàng đen có chiều cao 103cm, chiều dài 174cm, kích thước vòng bụng 140cm, vòng ngực 117cm, vòng cổ 72cm, chiều dài sừng là 8cm: 11.000.000 đồng

- 01 chiếc chuông bằng kim loại màu xám bạc có đường kính miệng chuông là 7cm, chiều dài chuông là 11cm, bên trong là 1 thanh kim loại dài 8cm. Chuông được gắn với 1 đoạn dây xích bằng kim loại cùng màu dài 70cm mua mới năm 2018: 42.000 đồng.

Quá trình điều tra mở rộng xác định: Vào khoảng 7 giờ ngày 07/4/2020, Rơ Lan U rủ Siu Quốc K cùng Kpuih Y đi trộm cắp tài sản thì tất cả đều đồng ý. Sau đó cả nhóm đi trên xe mô tô Sirius do K mượn của một người bạn tên Hiếu (Chưa xác định được nhân thân lai lịch) đi từ huyện Chư Prông đến huyện Chư

Purh, tỉnh Gia Lai để tìm kiếm tài sản trộm. Khi đi qua lô cao su tại thôn Tai Pêr, xã Ia Hla, huyện Chư Pưh thì cả 3 phát hiện 01 chiếc xe mô tô BKS 81P1-250.31 của ông Nguyễn Văn T không có người trông coi nên rủ nhau trộm cắp chiếc xe trên, U đứng ngoài canh chừng còn K và Y đi vào chỗ chiếc xe. K và Y dùng cờ lê, tua vít bẻ ổ khóa điện xe, Y điều khiển xe trộm cắp được bỏ chạy còn U và K điều khiển xe đi theo phía sau. Trên đường đi về huyện Chư Prông thì cả nhóm đã tháo biển số xe và vứt đi. Khi về đến huyện Chư Prông thì K về nhà còn U và Y điều khiển xe trộm cắp đi chơi. Sau đó vào tháng 5/2020, U và Y đã mang chiếc xe trộm cắp gặp anh Nguyễn Xuân Hiệp (sinh năm 1987, trú tại thôn Thanh Bình, xã Bình Giáo, huyện Chư Prông) nhờ bán xe. Anh Hiệp giới thiệu cho U và Y có anh Nguyễn Công Trường cần mua xe. U và Y gặp anh Nguyễn Công Trường và Nguyễn Công Tùng nói chuyện thỏa thuận bán xe cho anh Tùng và anh Trường được 3.000.000 đồng, U và Y chia nhau tiền tiêu xài hết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 50 ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Chư Pưh kết luận 01 xe mô tô trên có giá trị là 11.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT – VKS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đã truy tố :

Bị cáo Trần Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung ở trên.

Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật cụ thể:

Ông Rơ Lan H yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 02 con bò theo Hội đồng định giá là 20.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Bà Rơ Lam P yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 4 con bò theo Hội đồng định giá, định giá là 40.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa bà yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Ông Siu T yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá 02 (hai) con bò, theo giá Hội đồng định giá là 22.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Ông Puih Kl yêu cầu bồi thường giá trị 01 (một) con bò theo giá mà Hội đồng định giá là 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền

500.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Bà Rơ Châm D yêu cầu bồi thường giá trị 01 (một) con bò theo giá mà Hội đồng định giá là 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa bà yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Ông Rơ Châm P yêu cầu bồi thường giá trị 01 (một) con bò theo giá mà Hội đồng định giá là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề N Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề N Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ: 5 (năm) năm đến 6 (sáu) năm tù .

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Siu Quốc K từ: 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù .

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù .

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Q từ : 3 (B) năm 6 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm tù .

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường giá trị tài sản cho bị hại theo kết luận định giá tài sản, cụ thể:

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **3.625.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **4.125.000** đồng, buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường số tiền **4.625.000** đồng, buộc bị cáo Siu Quốc K tiếp tục bồi thường số tiền **5.125.000** đồng cho người bị hại ông Rơ Lan H.

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **11.500.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **12.500.000** đồng, buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường cho số tiền **13.000.000** đồng cho người bị hại bà Rơ Lan P.

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **4.125.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **4.625.000** đồng, buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường số tiền **5.125.000** đồng, buộc bị cáo Siu Quốc K tiếp tục bồi thường số tiền **5.625.000** đồng cho người bị hại ông Siu T.

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **2.000.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **2.500.000** đồng, buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường số tiền **2.500.000** đồng cho người bị hại ông Puih Kl.

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **2.000.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **2.500.000** đồng, buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường số tiền **2.500.000** đồng cho người bị hại bà Rơ Châm D

- Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền **2.000.000** đồng, buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường số tiền **2.000.000** đồng; buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường số tiền **2.500.000** đồng, buộc bị cáo Siu Quốc K bồi thường số tiền **3.000.000** đồng cho người bị hại ông Rơ Châm P.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy đối với công cụ thực hiện xẻ thịt bò gồm:

- 01 con dao bằng kim loại, cán gỗ màu nâu dài 34cm, phần lưỡi dao dài 21cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, đầu dao nhọn, trên lưỡi dao có chữ “NĂM NĂM”.

- 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 56cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần rộng nhất lưỡi dao 5cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

- 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 39cm, phần lưỡi dao dài 29cm, phần rộng nhất lưỡi dao rộng nhất là 7cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

- 01 con dao bằng kim loại dài 38cm. phần lưỡi dao dài 25cm, phần rộng nhất lưỡi dao là 6,5cm, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính đáy 3cm.

- 01 cây búa dài 70cm có phần đầu búa bằng kim loại hình trụ tròn dài 16.5cm, đường kính đáy là 6cm, phần cán búa bằng gỗ hình trụ tròn dài 64cm, đường kính đáy 4cm.

- 01 chiếc cân màu xanh loại cân 5kg hiệu NHƠN HÒA, trên cân có dán nhãn ghi số cân 490398.

- Tịch thu sung công đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện trộm cắp bò gồm:

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen có số serial 353423090653327 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong điện thoại gắn 01 thẻ sim màu trắng, trên sim có các con số được in thành 04 dòng như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00321, dòng 4 là 77583 .

+ 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh đen có số serial 1 355826097913643, số serial là 355833090913661 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong có 01 thẻ sim Viettel, trên sim có các con số được in thành 04 dòng như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00524, dòng 4 là 69097 .

+ 01 xe mô tô Mitsubishi L300 (loại xe 12 chỗ) màu trắng bạc BKS 81B-0611, số máy 4G63SQ9851, số kHg RLA00P13WT1000029 (đã qua sử dụng).

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý ông Thiệu Hữu Minh trình bày: Thông nhất với Cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát truy tố truy tố bị cáo Siu Quốc K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo mà Đại diện viện kiểm sát đề xuất, về mức án đề nghị hình phạt không quá 04 năm tù, Về phần dân sự, vật chứng: Nhất trí như đề nghị Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Chư Prông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, Truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ như các biên bản về hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai của Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng.

[3] Như vậy, có cơ sở xác định: Vào tháng 4 và tháng 5 năm 2020 các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K đã thực hiện 6 vụ trộm cắp vật nuôi là con bò của các bị hại Rơ Lan H, Puih Kl, Rơ Lan P, Rơ Châm D, Siu T, Rơ Châm P, Rơ Lan Pl, Siu Kr tại các xã Ia O, Ia Boong, Ia Pia, Ia Puch huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 178.542.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 07/4/2020, Siu Quốc K cùng Rơ Lan U và Kpuih Y có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 81P1-250.31 có giá trị 11.700.000 đồng của anh Nguyễn Văn T tại thôn Tai Pêr, xã Ia Hla, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Vũ Thị Q đã thực hiện 6 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 178.542.000 đồng, bị cáo Siu Quốc K đã thực hiện 4 vụ trộm cắp bò và 01 vụ trộm cắp xe máy với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 119.242.000 đồng.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công và cấu kết chặt chẽ với nhau.

[4] Trên địa bàn huyện Chư Prông thời gian gần đây tệ nạn trộm cắp xảy ra nhiều gây bức xU trong dư luận xã hội. Các bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe lẽ ra cần ra sức lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho bản thân và gia đình, đóng góp cho xã hội bằng con đường lao động lương thiện và góp phần mình giữ gìn trật tự an ninh cHg nơi cư trú. Nhưng các bị cáo đã không thực hiện được điều đó mà vì mục đích muốn có tiền tiêu xài bằng con đường bất chính, trong thời gian ngắn tháng 4 và tháng 5 năm 2020, các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Siu Quốc K, Vũ Thị Q nhiều lần trộm cắp tài sản của người dân tại các xã Ia O, Ia PUh, Ia Bông, Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai và xã Ia Hla, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền 190.242.000 đồng là đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, nếu không bị phát hiện ngăn chặn kịp thời thì hậu quả xảy ra khó có thể lường trước được. Vì vậy cần có biện pháp giáo dục thích đáng, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Tuy nhiên mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau:

Đối với bị cáo Trần Văn H: Là người khởi xướng cũng là người thực hành tích cực trong vụ án. Nhận thấy khu vực xã Ia Bông, Ia PUh, Ia O huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai là những khu vực người dân chăn thả bò nhưng không có người trông coi hoặc quản lý lỏng lẻo nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp bò và rủ T, K đi tìm khu vực có bò để trộm sau đó tìm chỗ nghỉ đợi trời tối để thực hiện hành vi. Đến tối, H gọi điện cho Q để sang trộm bò và chở bò về.

Bị cáo đã thực hiện 6 vụ trộm cắp trên địa bàn các xã Ia Pia, Ia O, Ia PUh, Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, các lần trộm cắp bò đều được H, Q tiêu thụ bằng cách bán cho ông Nguyễn Đình N hoặc mổ xẻ thịt bán, số tiền có được các bị cáo đều chia đều cho nhau, và sử dụng số tiền trên cho việc trang trải cuộc sống sinh hoạt cá nhân. Do đó, hành vi trên của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tổng số 15 con bò với tổng giá trị tài sản là 178.542.000 đồng với tình tiết định kHg tăng nặng: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 16/4/2008, bị TAND Đức Cơ xử phạt 21 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 05/1/2013, bị TAND huyện Đức Cơ xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS 1999. Bị cáo chưa hết thời hạn

đương nhiên được xóa án tích theo quy định (5 năm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 71 BLHS 2015) mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Do đó tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo là cao hơn các bị cáo Trương Văn T, Vũ Thị Q và Siu Quốc K và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn trong vụ án này.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 5.000.000 đồng, cụ thể bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền 1.000.000 đồng, bà Rơ Lan P số tiền 1.000.000 đồng, ông Siu T số tiền 1.000.000 đồng, ông Puih Kl số tiền 500.000 đồng, bà Rơ Châm D số tiền 500.000 đồng, ông Rơ Châm P số tiền 1.000.000 đồng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Siu Quốc K: Tham gia vụ án này với vai trò là người thực hành, khi được H rủ thì K đã đồng ý và cùng tham gia vào việc trộm cắp bò. K đã thực hiện 4 vụ trộm chiếm đoạt tài sản là 9 con bò với giá trị là 107.542.000 đồng. Ngoài ra, K tham gia 01 vụ trộm xe máy tại huyện Chư Pưh giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt là 119.242.000 đồng, số tiền trộm cắp được bị cáo dùng cho việc sinh hoạt chính của bản thân, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”; “Có tính chất chuyên nghiệp”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 9 tháng tù được hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội: “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xử phạt 15 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Do đó cần thiết phải xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trương Văn T: Tham gia vụ án với vai trò là người thực hành và người giúp sức, khi được H rủ thì T đã đồng ý và cùng tham gia vào việc trộm cắp bò. T đã thực hiện 6 vụ trộm cắp trên địa bàn các xã Ia O, Ia PUh, Ia Bông, huyện Chư Prông tổng số 15 con bò với tổng giá trị tài sản là 178.542.000 đồng, số tiền trộm cắp bị cáo dùng cho việc sinh hoạt chính của bản thân, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp: “*Chiếm đoạt tài*

sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”; “Có tính chất chuyên nghiệp”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 24/9/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định hình phạt 7 tháng tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 8.000.000 đồng, cụ thể bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền 1.500.000 đồng, bà Rơ Lan P số tiền 2.000.000 đồng, ông Siu T số tiền 1.500.000 đồng, ông Puih Kl số tiền 1.000.000 đồng, bà Rơ Châm D số tiền 1.000.000 đồng, ông Rơ Châm P số tiền 1.000.000 đồng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Thị Q: Tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức, khi H, T, K xác định được bỏ để trộm cắp thì H gọi điện cho Q, Q hiểu là điều khiển xe ô tô sang để trộm bò sau đó chở bò về và tiêu thụ lấy tiền chia đều cho các bị cáo khác. Trong IU H, Q, K trộm cắp bò thì Q đứng đợi ngoài xe, khi trộm bò xong Q hoặc H sẽ điều khiển xe ô tô tới, cùng nhau đưa bò lên xe và tiêu thụ bằng cách bán bò cho ông N và là người trực tiếp xẻ thịt bán. Q là người thu tiền từ việc tiêu thụ và chia đều cho các bị cáo khác. Bị cáo đã thực hiện 6 vụ trộm cắp trên địa bàn các xã Ia O, Ia PUh, Ia Bông, huyện Chư Prông tổng số 15 con bò với tổng giá trị tài sản là 178.542.000 đồng, số tiền trộm cắp bị cáo dùng cho việc sinh hoạt chính của bản thân, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp: “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”; “Có tính chất chuyên nghiệp”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 3.000.000 đồng, cụ thể bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền 500.000 đồng, bà Rơ Lan P số tiền 500.000 đồng, ông Siu T số tiền 500.000 đồng, ông Puih Kl số tiền 500.000 đồng, bà Rơ Châm D số tiền 500.000 đồng, ông Rơ Châm P số tiền 500.000 đồng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Vũ Thị Q và Siu Quốc K phạm tội từ 2 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để áp dụng đối với các bị cáo.

[5] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Đối với Nguyễn Đình N: Căn cứ lời khai bị can Trần Văn H, Vũ Thị Q, căn cứ lời khai ông Nguyễn Đình N và các tài liệu liên quan xác định: Ông Nguyễn Đình N làm nghề thu mua bò bán lại kiếm lời tại xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Khi trao đổi mua bán, H, Q nói với ông N là bò mua lại của các gia đình người dân xã Ia Lâu, Ia Mơr thuộc huyện Chư Prông, do đó, ông N

tin tưởng đồng ý mua và không biết nguồn gốc số bò trên do trộm cắp mà có. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý ông N về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Rơ Lan U và Kpuih Y: là người cùng Siu Quốc K thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của anh Nguyễn Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh khởi tố bị can đối với Rơ Lan U và Kpuih Y về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đồng thời ra Quyết định tách hành vi trộm cắp của U và Y nhập vào vụ án Trộm cắp tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Cơ đang thụ lý giải quyết để xử lý cHg theo quy định pháp luật.

- Đối với Bà Trương Thị M: Là chủ sở hữu chiếc xe mô tô mô tô BKS 81P1-250.31. Tại thời điểm T lấy xe đi thực hiện trộm cắp bà M không biết do đó không đề cập xử lý.

- Đối với bà Kpuih Pyuch (mẹ Siu Quốc K): Khi K mang bò nuôi tại rẫy gia đình thì bà không biết bò do trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ xử lý bà Kpuih Pyuch về hành vi “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Các bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo kết quả định giá là có căn cứ. Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 28.250.000 đồng;

Buộc bị cáo Trương Văn T tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 25.250.000 đồng;

Buộc bị cáo Siu Quốc K tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 13.750.000 đồng;

Buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 30.250.000 đồng cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Rơ Lan H giá trị 02 con bò là 20.500.000 đồng. Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Siu Quốc K và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (20.500.000: 4 bị cáo = 5.125.000 đồng/bị cáo). Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, Nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền **3.625.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, Nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền **4.125.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền **4.625.000** đồng. Buộc bị cáo Siu Quốc K bồi thường cho ông Rơ Lan H số tiền **5.125.000** đồng.

- Bồi thường cho bà Rơ Lan P số tiền 40.500.000 đồng. Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (40.500.000 đồng: 3 bị cáo = 13.500.000 đồng), bị cáo Trương Văn T đã bồi thường cho số tiền 2.000.000 đồng, Nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho Rơ Lan P số tiền **11.500.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền

1.000.000 đồng. Nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho bà Rơ Lan P số tiền **12.500.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho bà Rơ Lan P số tiền **13.000.000** đồng.

- Bồi thường cho ông Siu T số tiền 22.500.000 đồng. Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Siu Quốc K và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (22.500.000 đồng: 4 bị cáo = 5.625.000 đồng, bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.500.000 đồng. Nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho ông Siu T số tiền **4.125.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, Nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho ông Siu T số tiền **4.625.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, Nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho ông Siu T số tiền **5.125.000** đồng. Buộc bị cáo Siu Quốc K bồi thường cho ông Siu T số tiền **5.625.000** đồng.

- Bồi thường ông Puih Kl số tiền 9.000.000 đồng. Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (9.000.000 đồng: 3 bị cáo = 3.000.000 đồng), bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, Nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho ông Puih Kl số tiền **2.000.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho ông Puih Kl số tiền **2.500.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho ông Siu T số tiền **2.500.000** đồng.

- Bồi thường cho bà Rơ Châm D số tiền 9.000.000 đồng, buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (9.000.000 đồng: 3 bị cáo = 3.000.000 đồng), bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền **2.000.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền **2.500.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền **2.500.000** đồng.

- Bồi thường cho ông Rơ Châm P số tiền 12.000.000 đồng, buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Siu Quốc K và Vũ Thị Q mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là (12.000.000 đồng: 4 bị cáo = 3.000.000 đồng, bị cáo Trương Văn T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, nay buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho ông Rơ Châm P số tiền **2.000.000** đồng; bị cáo Trần Văn H đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, nay buộc bị cáo H tiếp tục bồi thường cho ông Rơ Châm P số tiền **2.000.000** đồng; bị cáo Vũ Thị Q đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, nay buộc bị cáo Q tiếp tục bồi thường cho ông Siu T số tiền **2.500.000** đồng. Buộc bị cáo Siu Quốc K bồi thường cho ông Rơ Châm P số tiền **3.000.000** đồng.

Ông Nguyễn Văn T, Siu Kr, Rơ Lan Pl đã nhận lại toàn bộ tài sản, ông Rơ Châm P, ông Rơ Lan H, ông Rơ Lan P mỗi người đã nhận lại 01 con bò và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS, tịch thu tiêu hủy đối với công cụ phương tiện sử dụng vào việc xẻ thịt bò gồm:

+ 01 con dao bằng kim loại, cán gỗ màu nâu dài 34cm, phần lưỡi dao dài 21cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, đầu dao nhọn, trên lưỡi dao có chữ “NĂM NĂM”.

+ 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 56cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần rộng nhất lưỡi dao 5cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

+ 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 39cm, phần lưỡi dao dài 29cm, phần rộng nhất lưỡi dao rộng nhất là 7cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

+ 01 con dao bằng kim loại dài 38cm. phần lưỡi dao dài 25cm, phần rộng nhất lưỡi dao là 6,5cm, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính đáy 3cm.

+ 01 cây búa dài 70cm có phần đầu búa bằng kim loại hình trụ tròn dài 16.5cm, đường kính đáy là 6cm, phần cán búa bằng gỗ hình trụ tròn dài 64cm, đường kính đáy 4cm.

+ 01 chiếc cân màu xanh loại cân 5kg hiệu NHƠN HÒA, trên cân có dán nhãn ghi số cân 490398.

- Tịch thu sung công quỹ đối với vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện trộm cắp bò gồm:

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen có số serial 353423090653327 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong điện thoại gắn 01 thẻ sim màu trắng, trên sim có các con số được in thành 04 dòng như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00321, dòng 4 là 77583 là điện thoại của H sử dụng liên lạc khi trộm cắp tài sản.

+ 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh đen có số serial 1 355826097913643, số serial là 355833090913661 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong có 01 thẻ sim Viettel, trên sim có các con số được in thành 04 dòng như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00524, dòng 4 là 69097 là điện thoại của Q sử dụng liên lạc khi trộm cắp tài sản.

+ 01 xe mô tô Mitsubishi L300 (loại xe 12 chỗ) màu trắng bạc BKS 81B-0611, số máy 4G63SQ9851, số kHg RLA00P13WT1000029 (đã qua sử dụng) thuộc tài sản của H sử dụng là phương tiện chở bò trộm cắp.

[7] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:**

+ Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

+ Bị cáo Trương Văn T, Vũ Thị Q, Siu Quốc K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H **6** (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2020.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Siu Quốc K **4** (bốn) năm **6** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/5/2020

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trương Văn T **3** (B) năm **6** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/5/2020.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Thị Q **3** (B) năm **6** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được khấu trừ số ngày đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2020 đến ngày 26/6/2020.

- Về dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn H tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 28.250.000 đồng, (trong đó bồi thường cho bị hại ông Rơ Lan H số tiền là 4.125.000 đồng, bị hại ông Rơ Lan P số tiền 12.500.000 đồng, bị hại ông Siu T số tiền 4.625.000 đồng, bị hại ông Puih Kl số tiền là 2.500.000 đồng, bị hại bà Rơ Châm D số tiền là 2.500.000 đồng, bị hại ông Rơ Châm P số tiền là 2.000.000 đồng).

Buộc bị cáo Trương Văn T tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 25.250.000 đồng, (trong đó bồi thường cho bị hại ông Rơ Lan H số tiền là 3.625.000 đồng, bị hại ông Rơ Lan P số tiền 11.500.000 đồng, bị hại ông Siu T số tiền 4.125.000 đồng, bị hại ông Puih Kl số tiền là 2.000.000 đồng, bị hại bà Rơ Châm D số tiền là 2.000.000 đồng, bị hại ông Rơ Châm P số tiền là 2.000.000 đồng);

Buộc bị cáo Siu Quốc K tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 13.750.000 đồng, (trong đó bồi thường cho bị hại ông Rơ Lan H số tiền là 5.125.000 đồng, bị hại ông Siu T số tiền 5.625.000 đồng, bị hại ông Rơ Châm P số tiền là 3.000.000 đồng);

Buộc bị cáo Vũ Thị Q tiếp tục bồi thường cho các bị hại tổng số tiền: 30.250.000 đồng, (trong đó bồi thường cho bị hại ông Rơ Lan H số tiền là 4.625.000 đồng, bị hại ông Rơ Lan P số tiền 13.000.000 đồng, bị hại ông Siu T số tiền 5.125.000 đồng, bị hại ông Puih Kl số tiền là 2.500.000 đồng, bị hại bà

Rơ Châm D số tiền là 2.500.000 đồng, ông Rơ Châm P số tiền là 2.500.000 đồng:

Ông Nguyễn Văn T, Siu Kr, Rơ Lan Pl đã nhận lại toàn bộ tài sản, ông Rơ Châm P, ông Rơ Lan H, ông Rơ Lan P mỗi người đã nhận lại 01 con bò và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy đối với công cụ phương tiện sử dụng vào việc xẻ thịt bò gồm:

+ 01 con dao bằng kim loại, cán gỗ màu nâu dài 34cm, phần lưỡi dao dài 21cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 6cm, đầu dao nhọn, trên lưỡi dao có chữ “NĂM NĂM”.

+ 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 56cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần rộng nhất lưỡi dao 5cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

+ 01 Con dao rựa bằng kim loại dài 39cm, phần lưỡi dao dài 29cm, phần rộng nhất lưỡi dao rộng nhất là 7cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn đường kính đáy 3cm.

+ 01 con dao bằng kim loại dài 38cm. phần lưỡi dao dài 25cm, phần rộng nhất lưỡi dao là 6,5cm, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính đáy 3cm.

+ 01 cây búa dài 70cm có phần đầu búa bằng kim loại hình trụ tròn dài 16.5cm, đường kính đáy là 6cm, phần cán búa bằng gỗ hình trụ tròn dài 64cm, đường kính đáy 4cm.

+ 01 chiếc cân màu xanh loại cân 5kg hiệu NHƠN HÒA, trên cân có dán nhãn ghi số cân 490398.

- Tịch thu sung công đối với vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện trộm cắp bò gồm:

+ 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen có số serial 353423090653327 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong điện thoại gắn 01 thẻ sim màu trắng, trên sim có các con số được in thành 04 dòng như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00321, dòng 4 là 77583 là điện thoại của H sử dụng liên lạc khi trộm cắp tài sản.

+ 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh đen có số serial 1 355826097913643, số serial là 355833090913661 (tình trạng đã qua sử dụng), bên trong có 01 thẻ sim Viettel, trên sim có các con số được in thành 04 dòng

như sau: dòng 1 là 8984, dòng 2 là 04800, dòng 3 là 00524, dòng 4 là 69097 là điện thoại của Q sử dụng liên lạc khi trộm cắp tài sản.

+ 01 xe mô tô Mitsubishi L300 (loại xe 12 chỗ) màu trắng bạc BKS 81B-0611, số máy 4G63SQ9851, số kHg RLA00P13WT1000029 (đã qua sử dụng), thuộc tài sản của H sử dụng là phương tiện chở bò trộm cắp.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 05/6/2020 giữa Công an huyện Chư Prông với Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai).

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án buộc các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Vũ Thị Q và Siu Quốc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 1.412.500 đồng;

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 1.262.500 đồng;

Bị cáo Siu Quốc K phải chịu 687.500 đồng;

Bị cáo Vũ Thị Q phải chịu 1.512.500 đồng.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/6/2021) các bị cáo, trợ giúp viên pháp lý, Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phU thẩm.

Riêng Người bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Công an huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Khả Thế